

Số: 48/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 400/QĐ-KĐCL ngày 28/4/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXII của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 401/QĐ-KĐCL ngày 28/4/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục để thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cho các cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo tại Phiên họp thứ XXII;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại Phiên họp XXII ngày 17/5/2023 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường và đã được Nhà trường đồng thuận. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).



2. Kiến nghị Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Toàn

Phụ lục I

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 48/NQ-HĐKĐCL ngày 18 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3,87
Tiêu chuẩn 1	4,00
Tiêu chuẩn 2	4,00
Tiêu chuẩn 3	3,75
Tiêu chuẩn 4	3,75
Tiêu chuẩn 5	4,00
Tiêu chuẩn 6	3,86
Tiêu chuẩn 7	3,60
Tiêu chuẩn 8	4,00
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	4,04
Tiêu chuẩn 9	4,17
Tiêu chuẩn 10	4,25
Tiêu chuẩn 11	3,75
Tiêu chuẩn 12	4,00

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3,92
Tiêu chuẩn 13	4,00
Tiêu chuẩn 14	3,80
Tiêu chuẩn 15	4,00
Tiêu chuẩn 16	3,75
Tiêu chuẩn 17	4,00
Tiêu chuẩn 18	4,25
Tiêu chuẩn 19	3,75
Tiêu chuẩn 20	4,00
Tiêu chuẩn 21	3,75
Mục 4. Kết quả hoạt động	3,98
Tiêu chuẩn 22	4,00
Tiêu chuẩn 23	4,17
Tiêu chuẩn 24	4,25
Tiêu chuẩn 25	3,50

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
(Kèm theo Nghị quyết số: 48/NQ-HĐKĐCL ngày 18 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội giai đoạn 2018-2022 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị văn hoá của Trường được xác định theo từng giai đoạn thể hiện trách nhiệm dẫn đầu trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, cập nhật bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Hệ thống quản trị và cơ cấu quản lý được thiết lập và tổ chức theo quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn; đội ngũ nhân sự và hệ thống văn bản quản trị, điều hành được rà soát và cập nhật. Các chỉ số KPIs được xác lập cho một số lĩnh vực hoạt động chính, được điều chỉnh phù hợp với kế hoạch chiến lược. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng phù hợp với chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước và được triển khai. Cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, thư viện được đầu tư, hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử được quan tâm xây dựng. Mạng lưới hợp tác đối ngoại được thiết lập thể hiện được bản sắc và thế mạnh của Trường.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng được thiết lập khá hoàn chỉnh và vận hành. Đội ngũ cán bộ chuyên trách bảo đảm chất lượng được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ; chính sách chất lượng được quan tâm xây dựng và thực hiện. Công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và các chương trình đào tạo được thực hiện định kỳ; các tồn tại được nhận diện, được khắc phục, cải tiến. Hệ thống quản lý thông tin và thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được hình thành. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh bước đầu được xác định và được triển khai thực hiện hướng tới cải tiến liên tục chất lượng các hoạt động.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương thức tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai. Triết lý giáo dục cơ bản được chuyển tải vào trong các hoạt động dạy và học. Chương trình đào tạo và phương pháp dạy - học được xây dựng và vận hành theo tiếp cận chuẩn đầu ra và được điều chỉnh theo hướng tăng thời lượng thực hành, thực tế; có sự tham gia của nhà tuyển dụng. Phương pháp kiểm tra đánh giá được thiết kế khá đa dạng; ngân hàng đề thi, rubrics đánh giá kết quả học tập của người học được thiết lập. Kế hoạch và các chính sách phát triển hợp tác, nghiên cứu khoa học và kết nối, phục vụ cộng đồng được triển khai, được quản lý theo quy trình.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý học tập được triển khai khá đồng bộ từ đầu vào đến đầu ra, có theo dõi, giám sát, đánh giá; tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành đào tạo được quan tâm theo dõi, đối sánh; tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm khá cao. Số lượng và loại hình nghiên cứu được gắn với yêu cầu đặc thù của lĩnh vực tài nguyên và môi trường; một số kết quả có tiềm năng ứng dụng. Các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng có tác động tích cực đối với công tác bảo vệ môi trường, phòng chống giảm nhẹ thiên tai được ghi nhận giúp cán bộ, giảng viên và sinh viên có nhận thức tích cực và gắn bó với Nhà trường. Kết quả, các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của các hoạt động đào tạo,

nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập với những kết quả ban đầu đáng khích lệ. Vị thế của Nhà trường dần được khẳng định.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Tiếp tục nghiên cứu để điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi, bổ sung các nội hàm phù hợp: cách mạng công nghiệp 4.0, biến đổi khí hậu, đổi mới sáng tạo phù hợp với động lực phát triển của đất nước, làm mục tiêu và động lực phát triển của ngành tài nguyên và môi trường. Quan tâm xây dựng các chỉ số lượng hóa và đánh giá kết quả, hiệu quả tác động của các giá trị và kết hợp công bố để tăng tính thuyết phục và truyền cảm hứng tới các bên liên quan trong các hoạt động.

2. Xác định lại vị thế và quan điểm phát triển của Trường theo các xu thế phát triển mới dựa trên các mục tiêu phát triển bền vững; đề xuất nhiều quyết sách phát triển mạnh mẽ, truyền cảm hứng để thúc đẩy sự phát triển. Đẩy nhanh quy trình kiện toàn chức danh Bí thư Đảng ủy theo chủ trương chung và yêu cầu của cơ quan quản lý.

3. Xây dựng quy chế phối hợp giữa Đảng ủy - Hội đồng trường - Ban Giám hiệu; tăng hiệu lực lãnh đạo của Đảng ủy, vai trò phản biện của các thành viên Hội đồng trường. Triển khai các giải pháp để nâng cao hơn nữa tính chuyên nghiệp và hiệu quả của công tác truyền thông, nhất là truyền thông về tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa, triết lý giáo dục và các mục tiêu chiến lược. Nâng cao hiệu quả xây dựng và kết nối với mạng lưới nhà tuyển dụng, doanh nghiệp; thu hút sự quan tâm của xã hội vào việc thực hiện tầm nhìn và sứ mạng. Đánh giá tác động, hiệu quả cải tiến hệ thống văn bản quản lý và bộ máy; sớm rà soát để sắp xếp bộ máy quản lý ở các bộ môn, phòng ban và trung tâm, viện nghiên cứu ứng dụng theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

4. Cập nhật kế hoạch chiến lược/kế hoạch thực hiện với đầy đủ các chỉ số thực hiện chính theo kết quả đầu ra; quan tâm quản trị rủi ro tránh mất cân bằng trong cơ cấu ngành đào tạo và tuyển sinh đối với các ngành mũi nhọn. Thể hiện rõ hơn vai trò trụ cột của Trường về đào tạo chất lượng cao, nghiên cứu, chuyển giao và tư vấn chính sách trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường, phát triển bền vững. Xác lập vị thế của Nhà trường trong quá trình hướng tới tự chủ tập trung vào mục tiêu đổi mới sáng tạo để tăng sức hút đầu tư từ Nhà nước, từ doanh nghiệp.

5. Xây dựng giải pháp nâng cao hiệu quả việc xây dựng chính sách; quy trình, hướng dẫn tiêu chí giám sát thực hiện và đánh giá hiệu quả của các chính sách. Bổ sung các chính sách cốt lõi có tính nguyên tắc chỉ đạo các hoạt động về tự do học thuật, quy tắc đạo đức nhà giáo trong đào tạo, xử lý xung đột lợi ích trong nghiên cứu khoa học. Xây dựng chiến lược và các chính sách về khoa học công nghệ hướng tới sản phẩm để tư vấn chính sách cho ngành.

6. Rà soát, xây dựng kế hoạch triển khai để đạt mục tiêu chiến lược cho giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2035 về đội ngũ nhân lực. Có cơ chế và giải pháp đột phá trong thu hút, giữ chân đội ngũ chuyên gia đầu ngành, nâng cao năng lực và phát triển giảng viên trẻ có trình độ cao; thực hiện đồng bộ đánh giá kết quả thực hiện và đãi ngộ theo bộ chỉ số KPIs gắn với hiệu quả, cống hiến. Thường xuyên lấy ý kiến về sự hài lòng các bên liên quan trong rà soát, cập nhật hoàn thiện để thực hiện các chính sách, quy trình về nhân lực theo quy định và có cải tiến phù hợp với chiến lược phát triển.

7. Tăng cường không gian thư viện và nâng cấp, cải thiện trang thiết bị, đảm bảo môi trường, sức khỏe và an toàn tại các khu vực thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành. Quan tâm bổ sung giáo trình, tài liệu nội sinh, tài liệu phục vụ đào tạo và NCKH; sớm hoàn thiện và khai thác hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến LMS. Có giải pháp tăng nguồn thu; đa dạng hóa nguồn thu theo hướng tăng cường các hoạt động/lĩnh vực có tiềm năng trong đào tạo, tư vấn, NCKH và chuyển giao... Cân đối nguồn thu và có giải pháp ưu tiên nguồn lực cho nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chuyển giao công nghệ và thương mại hóa.

8. Kiện toàn quản lý hoạt động đối ngoại; ban hành đầy đủ các chính sách, quy định, hướng dẫn cụ thể trong hoạt động hợp tác đối ngoại; tham gia nhiều hơn các dự án hợp tác quốc tế và triển khai các chương trình liên kết, trao đổi giảng viên, sinh viên. Nghiên cứu thiết lập các chỉ số về phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để rà soát, đối sánh và cải thiện hoạt động đối ngoại phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường; tận dụng, phát huy hiệu quả các hợp tác của cá nhân giảng viên với các nhà khoa học, giảng viên của các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước để gia tăng giá trị học thuật, nâng cao uy tín của Nhà trường.

9. Rà soát và đảm bảo đồng bộ về mục tiêu, chỉ số, giải pháp phát triển chiến lược và kế hoạch hàng năm về đảm bảo chất lượng giáo dục; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và chính sách phù hợp cho cán bộ chuyên trách. Tăng cường các giải pháp đảm bảo chất lượng, hoàn thiện các công cụ đánh giá và giám sát chất lượng các mặt hoạt động đào tạo, nghiên cứu, phục vụ cộng đồng. Quan tâm xây dựng cơ chế và đầu tư nguồn lực phù hợp để thực hiện cải tiến chất lượng sau kiểm định. Xây dựng giải pháp tích hợp và hoàn thiện các hệ thống thông tin để phục vụ việc ra quyết định quản trị một cách hiệu quả.

10. Có các biện pháp cải tiến chất lượng hiệu quả dựa trên các phát hiện từ hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài. Rà soát và cập nhật hệ thống thu thập thông tin đảm bảo chất lượng bên trong và phân tích kết quả để có các thông tin hữu ích phục vụ quản lý và cải tiến chất lượng.

11. Triển khai giải pháp công nghệ để tích hợp và đồng bộ các phần mềm quản lý thông tin phục vụ đảm bảo chất lượng giáo dục. Hoàn thiện hệ thống quản lý dữ liệu đảm bảo chất lượng bên trong; ứng dụng chuyển đổi số trong công tác đảm bảo chất lượng và quản trị đại học để hỗ trợ hiệu quả cải tiến chất lượng; xây dựng và phát triển bổ sung các phần mềm/giải pháp công nghệ theo các nhóm chức năng bao gồm các kết quả khảo sát, kết quả phân tích thông tin, số liệu để đảm bảo sẵn có, bao gồm các chỉ số thị trường để phục vụ kịp thời yêu cầu quản trị, quản lý Nhà trường.

12. Lựa chọn đối tác và các chỉ của cơ sở giáo dục đại học phù hợp để so chuẩn đối sánh và cải tiến chất lượng. Nghiên cứu các chỉ số của các cơ sở giáo dục đại học trong khu vực ASEAN để xác lập các chỉ số về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; xem xét tham gia hệ thống xếp hạng đối sánh trong nước và quốc tế để có chiến lược cải tiến hướng đến đáp ứng sứ mạng, tầm nhìn.

13. Xây dựng các chính sách truyền thông, quảng bá tuyển sinh cho từng ngành/nhóm ngành, trình độ và các ngành nghề đặc thù; đa dạng hóa và tăng hiệu quả các phương thức truyền thông. Có các chính sách đủ mạnh để thu hút người học sau đại học; tổ chức bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ đầu vào để tạo nguồn; quan tâm học bổng, hỗ trợ kinh phí nghiên cứu, xuất bản quốc tế và các hỗ trợ cho người học. Sớm cập nhật, cải tiến quy định, quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học để có những cải tiến kịp thời, hiệu quả.

14. Tăng cường công tác giám sát trong xây dựng và phát triển chương trình đào tạo; rà soát thực hiện các quy định về cấu trúc/thời lượng thực hiện luận văn thạc sĩ; rà soát, tối ưu cấu trúc các chương trình đào tạo về tỷ lệ khối kiến thức ngành/chuyên ngành và bổ sung đầy đủ các đề cương chi tiết học phần trong các chương trình đào tạo; nghiên cứu bổ sung kiến thức đại cương chung về môi trường và phát triển trong tất cả các ngành học.

15. Có các chiến lược và chính sách thu hút, tuyển dụng, bổ nhiệm, phát triển đội ngũ giảng viên có tính đột phá cho từng ngành đào tạo; đổi mới phương pháp dạy và học. Có hướng dẫn cụ thể việc truyền tải triết lý giáo dục vào chương trình đào tạo và thiết kế các hoạt động dạy-học phù hợp; tiếp tục nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên, trong đó coi trọng việc truyền cảm hứng, phát triển tư tưởng giáo dục khai phóng và tư duy sáng tạo ở các CTĐT; đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tăng kỹ năng nghề nghiệp, tăng năng lực thực tế cho người học.

16. Hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thiết kế các hoạt động đánh giá người học phù hợp với chuẩn đầu ra; có quy định và hướng dẫn thực hiện đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Giám sát việc thiết kế và lựa chọn phương thức kiểm tra đánh giá phù hợp để đo lường mức độ đạt chuẩn đầu ra của các học phần và CTĐT. Triển khai xây dựng ngân hàng câu hỏi thi; tăng cường các hình thức thi đánh giá được tư duy và kỹ năng của người học và có hướng dẫn giảng viên lựa chọn, sử dụng phù hợp.

17. Phân tích nguyên nhân người học chậm tốt nghiệp để có các biện pháp tư vấn, hỗ trợ kịp thời; thành lập đơn vị chuyên trách hoạt động tư vấn hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm và phát triển kỹ năng; tích cực kết nối với các nhà tuyển dụng để tăng cơ hội việc làm và thực tập hướng nghiệp cho người học. Nghiên cứu điều chỉnh tiêu chí để đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, cố vấn học tập, nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ.

18. Có các giải pháp mang tính đột phá trong phát triển khoa học công nghệ; có các cơ chế, hoạt động tăng số lượng sản phẩm khoa học, nhất là các công bố chung với đối tác trong nước/quốc tế; nâng cao chất lượng trong NCKH và các kết quả có tiềm năng ứng dụng để chuyển giao. Có cơ chế khuyến khích tăng số lượng người học tham gia nghiên cứu khoa học. Rà soát các chỉ tiêu về kết quả hoạt động khoa học công nghệ, chú trọng đến đánh giá cả về số lượng và chất lượng của kết quả nghiên cứu. Tăng cường tham vấn, khảo sát ý kiến các bên liên quan về tổ chức quản lý hoạt động khoa học công nghệ để tiếp tục hoàn thiện các chính sách khuyến khích và nâng cao năng lực nghiên cứu cho đội ngũ cán bộ, giảng viên.

19. Tăng cường công tác truyền thông về bản quyền, sở hữu và khai thác tài sản trí tuệ. Xây dựng kế hoạch cụ thể, các quy định và giải pháp, cơ chế để triển khai thực hiện trong quản lý và khai thác tài sản trí tuệ. Có chiến lược tạo dựng, quản lý và khai thác tài sản trí tuệ hướng tới thương mại hóa để tăng nguồn thu và phục vụ cộng đồng. Tăng cường ứng dụng CNTT, sử dụng các phần mềm về quản lý khoa học, chống đạo văn để tăng hiệu quả công tác quản lý, lưu trữ tài sản trí tuệ.

20. Sớm ban hành quy định về tổ chức quản lý các hoạt động hợp tác phát triển; có các chính sách, cơ chế cụ thể thúc đẩy hợp tác trong nghiên cứu khoa học, đặc biệt các hoạt động hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực nghiên cứu có thế mạnh và phát huy vai trò của nhóm nghiên cứu mạnh; tăng cường xúc tiến hợp tác với các doanh nghiệp, nhà đầu tư tiềm năng để đẩy mạnh chuyển giao công nghệ. Rà soát, đánh giá hiệu quả và phân tích ý kiến khảo sát các bên liên quan cải thiện quản lý và chất lượng hoạt động hợp tác trong nghiên cứu khoa học và

chuyển giao công nghệ.

21. Rà soát để đảm bảo thống nhất giữa hệ thống các chính sách về phục vụ cộng đồng với chiến lược phát triển tổng thể và chiến lược kết nối, phục vụ cộng đồng; xây dựng và áp dụng các KPIs, trong đó làm rõ nội hàm và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ để tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động phục vụ cộng đồng, đồng thời có cơ chế ghi nhận, đánh giá kết quả thực hiện của cán bộ, giảng viên, nhân viên góp phần thực hiện sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững quốc gia.

22. Có giải pháp kỹ thuật để kiểm soát, hoàn thiện quá trình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan; xây dựng chiến lược và giải pháp nâng cao hiệu quả tư vấn việc làm cho người tốt nghiệp và thúc đẩy cơ hội trải nghiệm có thách thức để thúc đẩy tiến bộ trong tương lai.

23. Đẩy mạnh chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, người học và các nhóm nghiên cứu mạnh đi đôi với việc giám sát kết quả theo sản phẩm đầu ra. Có quy định cụ thể về quản trị kết quả nghiên cứu và sáng tạo bao gồm cả thử nghiệm, chuyển giao, thương mại hóa và thành lập các đơn vị hỗ trợ khởi nghiệp. Tổ chức/khuyến khích người học tham gia các hoạt động, cuộc thi về khởi nghiệp; hình thành không gian và từng bước xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp trong trường. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về kết quả nghiên cứu và sáng tạo; thực hiện giám sát và đối sánh với các đối tác trong và ngoài nước để có các giải pháp quản trị kết quả và phát triển phù hợp.

24. Tận dụng các lợi thế đặc thù để thiết lập loại hình, khối lượng kết nối phục vụ cộng đồng và các chỉ tiêu thực hiện, các chỉ số về kết quả; xây dựng văn bản hướng dẫn và quy trình giám sát, đối sánh các chỉ số, chỉ báo cụ thể về kết quả để có các giải pháp quản trị và nâng cao chất lượng hoạt động hướng tới kết quả. Nghiên cứu xác lập mức độ tác động xã hội của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội thể hiện cụ thể trong các kế hoạch nhiệm vụ để đảm bảo hiện thực hóa các chiến lược, chính sách và làm cơ sở đánh giá, cải tiến.

25. Hoàn thiện bộ chỉ số tài chính, chỉ số thị trường và quan tâm quản lý, đối sánh và giám sát các chỉ số quan trọng, cốt lõi ở các lĩnh vực hoạt động chính trong chiến lược phát triển; thường xuyên thu thập thông tin, phân tích để đánh giá xu hướng thay đổi, đánh giá các chỉ số thị trường về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục có uy tín để cải tiến. Tăng cường hợp tác với các đối tác có uy tín trong và ngoài nước để thúc đẩy các hoạt động gia tăng, đa dạng hóa nguồn thu để phát triển bền vững. Chú trọng bồi dưỡng đội ngũ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng. Xây dựng lộ trình và phát triển thương hiệu HUNRE; tăng cường quảng bá, truyền thông để gia tăng vị thế của Nhà trường.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.